

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ ANCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 830 /KH-UBND

Nghệ An, ngày 08 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH**Triển khai thực hiện Nghị định số 326/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về định danh địa điểm trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Thực hiện Nghị định số 326/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ quy định về định danh địa điểm, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị định số 326/2026/NĐ-CP đến các sở, ban, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, qua đó tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong công tác tham mưu, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác Cơ sở dữ liệu (CSDL) định danh địa điểm.

2. Bảo đảm CSDL định danh địa điểm được xây dựng tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh; bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, khả năng mở rộng, vận hành liên tục, an toàn, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Xác định trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả, phối hợp chặt chẽ. Kịp thời kiến nghị, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung của Nghị định số 326/2026/NĐ-CP và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nhằm tạo sự đồng thuận của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai thực hiện; đồng thời, hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân kiểm tra dữ liệu, phản ánh sai lệch và phối hợp cung cấp, bổ sung thông tin khi có yêu cầu.

2. Phối hợp bộ, ngành thu thập, tạo lập, cập nhật dữ liệu vào CSDL định danh địa điểm đối với các đối tượng định danh địa điểm trên địa bàn tỉnh.

3. Thu thập, kiểm tra, cập nhật và quản lý dữ liệu trong các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành phục vụ định danh địa điểm theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của từng cơ quan, đơn vị tương ứng với danh mục đối tượng định danh địa điểm ban hành theo Nghị định số 326/2026/NĐ-CP.

4. Bảo đảm nguồn kinh phí phục vụ công tác triển khai, thực hiện Nghị định số 326/2026/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh.

5. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị định số 326/2026/NĐ-CP tại các đơn vị, địa phương. Tổ chức sơ kết, tổng kết rút

kinh nghiệm, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc để kịp thời tham mưu với cấp có thẩm quyền có giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác CSDL định danh địa điểm. Kịp thời động viên, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; làm rõ trách nhiệm đối với các đơn vị, địa phương để xảy ra các tồn tại, hạn chế; xử lý vi phạm trong công tác xây dựng, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác CSDL định danh địa điểm theo quy định pháp luật hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị định số 326/2026/NĐ-CP và Kế hoạch này; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch khi cần thiết hoặc theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công an; tổ chức sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện theo quy định.

- Tham mưu triển khai Quy trình định danh địa điểm sau khi Bộ Công an ban hành. Chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Bộ Công an để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Chủ trì cập nhật, duy trì dữ liệu; tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, hướng dẫn về định danh địa điểm trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn bảo đảm hạ tầng viễn thông, Internet, truyền dẫn phục vụ hoạt động định danh địa điểm.

- Cập nhật, chia sẻ mã bưu chính quốc gia gắn cho đối tượng là phường, xã cho CSDL định danh địa điểm theo chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Thực hiện theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh tham gia ý kiến đối với quy định việc áp dụng hệ tọa độ, hệ quy chiếu trong định danh địa điểm khi nhận được đề nghị phối hợp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã hoàn thiện CSDL quốc gia về đất đai, CSDL nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã hướng dẫn triển khai đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng.

- Trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước, thực hiện rà soát, điều chỉnh, cập nhật thông tin của đối tượng trong các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành phục vụ định danh địa điểm.



5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì hướng dẫn đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng và triển khai xây dựng CSDL về tên đường, phố, công trình công cộng theo chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất của Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo phân cấp, phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương và theo quy định pháp luật.

7. Báo và phát thanh, truyền hình Nghệ An, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan truyền thông trên địa bàn: Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nghị định số 326/2026/NĐ-CP; sản xuất các chương trình, phóng sự về xây dựng CSDL định danh địa điểm trên địa bàn tỉnh.

8. Các sở, ban, ngành: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 326/2026/NĐ-CP đến các đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị; chỉ đạo, hướng dẫn việc phối hợp triển khai thực hiện Nghị định số 326/2026/NĐ-CP theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. UBND cấp xã

- Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị định số 326/2026/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Phối hợp với Công an tỉnh, các sở, ban, ngành trong việc thu thập, tạo lập, cập nhật dữ liệu vào CSDL định danh địa điểm đối với đối tượng định danh địa điểm thuộc địa bàn quản lý.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Nghị định số 326/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ, đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện. Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, gửi về Công an tỉnh để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết. *✓*

Nơi nhận: *✓*

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Công an (Cục C06);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PT-TH Nghệ An, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (TP, TH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

Phụ lục
DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG ĐỊNH DANH ĐỊA ĐIỂM
(Kèm theo Nghị định số 326/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ)

STT	Đối tượng định danh địa điểm	Mã đối tượng
I	Biên giới địa giới	
1	- Cột mốc điểm cơ sở	AB01
2	- Điểm cơ sở	AB02
3	- Mốc quốc giới	AC02
4	- Cửa khẩu	CH01
II	Mốc địa giới hành chính	
5	- Mốc địa giới cấp tỉnh	AD08
6	- Mốc địa giới cấp xã	AD09
III	Cơ sở đo đạc	
7	- Trạm định vị vệ tinh quốc gia	BD02
IV	Hạ tầng kỹ thuật khác	
8	- Công trình xử lý bùn	CR03
9	- Nhà máy/công trình xử lý nước sạch đô thị	CR04
10	- Trụ nước chữa cháy	CR13
11	- Tháp nước, bể nước đô thị	CR19
12	- Trạm quan trắc khí tượng thủy văn	CR20
13	- Trạm quan trắc môi trường	CR21
14	- Trạm quan trắc tài nguyên nước	CR22
V	Công trình văn hóa	
15	- Công trình di tích	CN04
16	- Lăng tẩm	CN11
17	- Tháp cổ	CN18
VI	Công trình tôn giáo, tín ngưỡng	
18	- Chùa	CM01
19	- Đền	CM04
20	- Đình	CM05
21	- Miếu	CM07
VII	Trụ sở cơ quan nhà nước	CV00
VIII	Cơ sở sản xuất nông, lâm nghiệp	
22	- Cơ sở nuôi trồng thủy sản	CB03
23	- Nông trường	CB05

97

24	- Trang trại	CB07
IX	Công trình xử lý chất thải	
25	- Bãi chôn lấp rác	CO01
26	- Cơ sở xử lý chất thải nguy hại	CO02
27	- Cơ sở xử lý chất thải rắn	CO03
28	- Nhà máy/trạm xử lý nước thải tập trung thuộc hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị	CO04
29	- Khu xử lý chất thải	CO05
30	- Trạm trung chuyển chất thải rắn	CO06
X	Công trình an ninh	
31	- Trung tâm phòng cháy, chữa cháy	CC04
XI	Công trình khác	
XII	Địa hình đặc biệt trên đất liền	
32	- Cửa hang động	EB02
XIII	Giao thông	
	Đường bộ	
33	- Đường chuyên dùng	GK01
34	- Đường đô thị	GK02
35	- Đường quốc lộ	GK04
36	- Đường tỉnh	GK05
37	- Đường xã	GK06
	Công trình giao thông đường bộ	
38	- Bãi đỗ xe	GG01
39	- Bến ô tô	GG02
40	- Bến phà đường bộ	GG03
41	- Cầu đường bộ	GG05
42	- Cống đường bộ	GG06
43	- Hàm đường bộ	GG12
44	- Trạm dừng nghỉ	GG15
45	- Trạm kiểm soát tải trọng xe	GG16
46	- Trạm thu phí đường bộ	GG17
	Đường sắt	
47	- Đường sắt quốc gia	GL03
	Công trình giao thông đường sắt	
48	- Ga đường sắt	GH01



OK

49	- Giao đường sắt và đường bộ có rào chắn	GH03
50	- Giao đường sắt và đường bộ không có rào chắn	GH04
Công trình giao thông đường hàng không		
51	- Cảng hàng không	GN02
52	- Đường cất hạ cánh	GN04
53	- Nhà ga hành khách tại cảng hàng không	GN06
Đường thủy/Hàng hải		
54	- Âu tàu	GM01
55	- Bến cảng biển	GM03
56	- Bến thủy nội địa	GM04
57	- Cảng thủy nội địa	GM07
XIV Nguồn nước		
58	- Giếng nước	KM01
59	- Mạch nước	KM02
60	- Sông, suối (Mạng dòng chảy)	KK01
XV Mặt nước tĩnh		
61	- Ao, hồ, đầm	KL02
62	- Hồ chứa (thủy điện, thủy lợi)	KL03
XVI Công trình trên đê		
63	- Cửa khẩu qua đê	KH01
64	- Điểm canh đê	KH02
65	- Kè bảo vệ đê	KG01
66	- Cống thủy lợi	KG02
67	- Đập dâng	KG03
68	- Đê (tuyến đê, đoạn đê)	KG04
69	- Kênh, mương	KG05
70	- Trạm bơm	KG09
XVII Thửa đất		
71	- Thửa đất	LA01
XVIII Đối tượng đặc thù khác phát sinh trong thực tiễn		